

MODULE 1: PRONUNCIATION

PHÁT ÂM

Nguyên âm ngắn - Short vowels

- / ə /: ago, mother, togethe
- / i /: hit, bit, sit
- / ʌ /: study, shut, must
- / ɒ /: got job, hospital
- / u /: put, should, foot -
- / e /: bed, send, tent, spend
- / æ /: cat, chat, man

Nguyên âm dài - Long vowels

- / i:/ meet, beat, heat
- / u:/ school, food, moon
- / a:/ father, star, car
- / ɔ:/ sport, more, store
- / ɜ:/ bird, shirt, early

Nguyên âm đôi- Diphthongs

- /ai/: buy, sky, hi, shy
- /ɔɪ/: boy, enjoy, toy -
- /ei/: day, baby, stay
- /ou/: no, go, so
- /au/: now, sound, cow
- /ʊə/: poor, sure, tour
- /eə/: air, care, share
- /ɪə/: near, tear, cheer

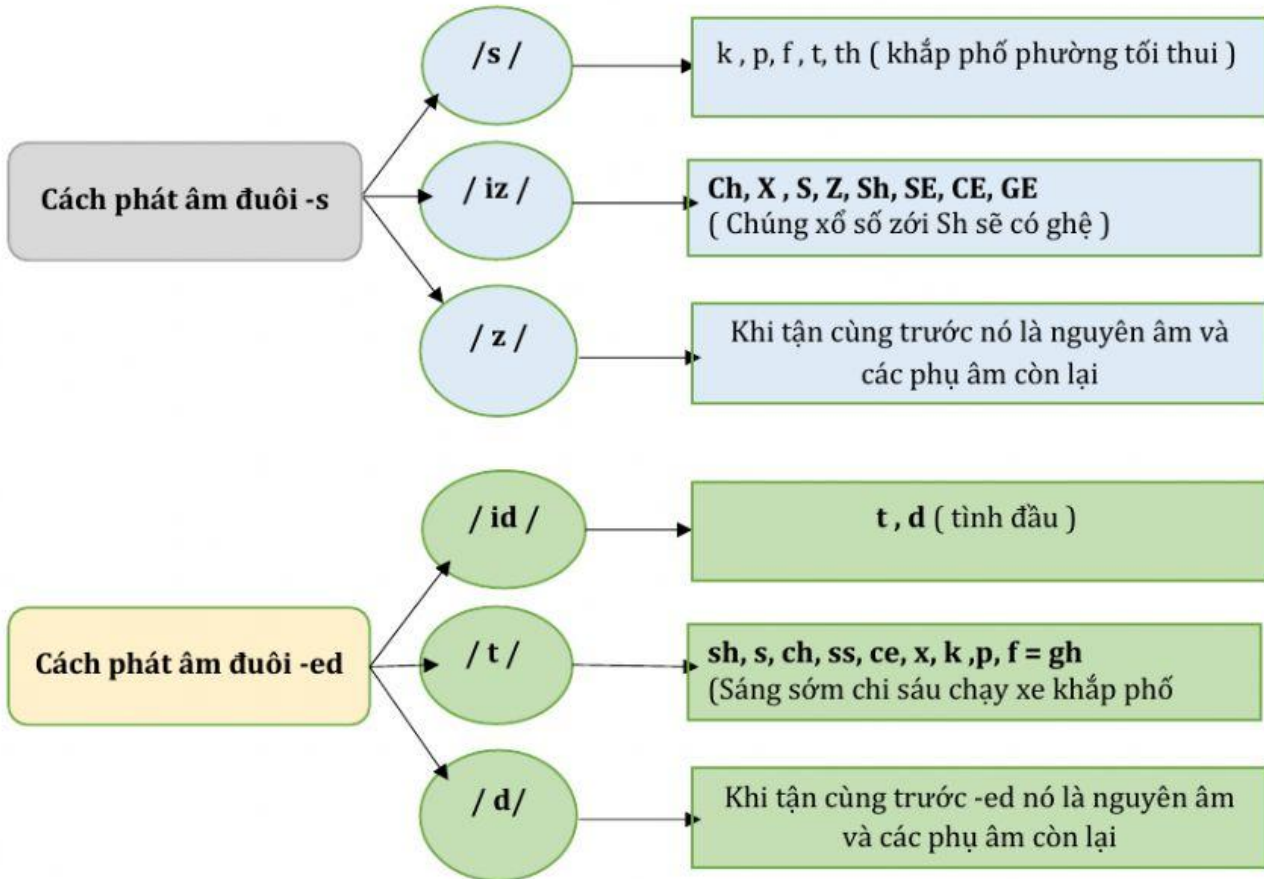
NGUYÊN ÂM VOWELS

PHIÊN ÂM

PHỤ ÂM CONSONANTS

- /b/: bag, baby
- /p/: pupil, pay, stop
- /d/: dog, daddy, dead
- /k/: kiss, key
- /m/: mother, map, come
- /j/: yes, yellow
- /n/: many, none, news
- /s/: see, summer
- /l/: love, lucky, travel
- /z/: zoo, visit
- /r/: river, restaurant
- /h/: hat, honey
- /t/: tea, teach
- /dʒ/: village, jam, generous
- /g/: get, game, go
- /θ/: thin, thick, something, birth
- /f/: fall, laugh, fiction
- /ð/: mother, with, this
- /v/: visit, van
- /ʃ/: she, sugar
- /w/: wet, why
- /ʒn/: vision
- /tʃ/: children, chicken, watch
- /ŋ/: thank, sing

❖ PHÁT ÂM “ ED ” or “ S / ES ”



Note đuôi -s

- “se” đọc là “z” or “s”
- “Ce =S”
- “gh” đọc là “f” : laugh , cough, tough , rough

Note đuôi -ed

Đuôi -ed trong các tính từ sau được phát âm /id/ : aged, learned, beloved, blessed, naked, ragged, wicked, blessed, wretched